

Số: /QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả kiểm tra nội bộ năng lực tiếng Anh
tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT ngày 26/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tổ chức thi đánh giá năng lực Tiếng Việt;

Căn cứ Quyết định 664/QĐ-ĐHTN ngày 17/4/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy định tổ chức kiểm tra năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ kết quả kiểm tra nội bộ năng lực Tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 28/6/2026 của thí sinh;

Căn cứ Biên bản xét kết quả kiểm tra nội bộ năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 28/6/2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kiểm tra nội bộ năng lực Tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, tổ chức ngày 28/6/2026 (danh sách trong phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Phòng Pháp chế;
- TT. CNTT và Thư viện (đăng website);
- Các khoa đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT (T.02b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Văn Nam

Phụ lục

**KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẬC 3
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM, ĐỢT KIỂM TRA NGÀY 28/6/2026**

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
1	23402001	B001	H Duyn	Adrông	08/02/2005	Nữ	6.0	5.0	3.0	2.5	16.5	4.13	Không đạt
2	24303001	B002	Ly-	Ân	23/02/2006	Nam	1.5	3.5	1.5	2.0	8.5	2.13	Không đạt
3	20404002	B003	Hồ Đoàn Trọng	Anh	15/09/2002	Nam							Vắng
4	22413001	B004	Nguyễn Thị Diệp	Anh	12/12/2003	Nữ	8.0	6.0	3.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
5	22901003	B005	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/12/2003	Nữ	2.5	9.0	7.0	3.0	21.5	5.38	Đạt
6	23412002	B006	Trần Quỳnh	Anh	24/03/2005	Nữ	7.5	9.0	7.5	7.5	31.5	7.88	Đạt
7	21403004	B007	Hoàng Ngọc	Ánh	27/04/2003	Nữ	2.0	9.0	9.0	4.5	24.5	6.13	Đạt
8	22404002	B008	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	14/05/2004	Nữ	2.5	9.0	7.5	7.5	26.5	6.63	Đạt
9	23903502	B009	Vũ Thị Kim	Ánh	25/01/1976	Nữ	7.0	7.0	3.5	7.0	24.5	6.13	Đạt
10	23901005	B010	Ksor H	Ayun	18/03/2002	Nữ	7.0	5.0	4.0	5.0	21.0	5.25	Đạt
11	21607110	B011	Nguyễn Triệu Khánh	Băng	02/06/2003	Nữ							Vắng
12	21305305	B012	Đàm Gia	Bảo	20/02/2001	Nam							Vắng
13	23605002	B013	Hoàng Phan Gia	Bảo	27/01/2005	Nam	4.5	7.5	5.0	5.0	22.0	5.5	Đạt
14	23305007	B014	Nguyễn Hoàng	Bảo	17/01/2005	Nam	6.0	9.0	8.0	7.0	30.0	7.5	Đạt
15	23903006	B015	Nay H'	Bi	13/09/2004	Nữ	2.0	9.0	5.5	4.5	21.0	5.25	Đạt
16	23607007	B016	H'	Bíc	25/10/2005	Nữ	2.0	9.0	9.0	4.5	24.5	6.13	Đạt
17	20605003	B017	Nguyễn Thanh	Bình	23/06/2002	Nam	8.0	9.0	3.5	0.0	20.5	5.13	Không đạt
18	23901006	B018	Trần Thanh	Bình	12/10/2005	Nữ	7.5	4.5	5.0	7.0	24.0	6	Đạt
19	23903007	B019	H -trich	Bkrông	18/06/2005	Nữ	6.0	9.0	7.0	3.0	25.0	6.25	Đạt
20	23402007	B020	Y Thiết	Bkrông	10/11/2003	Nam	6.0	9.0	5.0	3.5	23.5	5.88	Đạt
21	23406065	B021	H Huê	B'krông	17/03/2005	Nữ	9.0	6.0	5.5	7.5	28.0	7	Đạt
22	23903008	B022	H - Đuên	Byă	18/01/2005	Nữ							Vắng
23	18403009	B023	H Brian	Byă	22/01/2000	Nữ	6.0	5.5	2.5	5.0	19.0	4.75	Không đạt
24	24403018	B024	H' Êê Bô Ra	Byă	07/03/2006	Nữ							Vắng

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
25	23903009	B025	H Hoan	Byă	18/03/2005	Nữ							Vắng
26	15305002	B026	Mơ Tui Mau Dam	Cảnh	14/09/1997	Nam	7.5	9.0	3.0	4.5	24.0	6	Đạt
27	23305012	B027	Ngô Đại	Cát	23/11/2005	Nam	7.0	9.0	8.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
28	23607009	B028	Phạm Thị Minh	Châu	27/11/2005	Nữ	7.0	8.5	2.5	3.0	21.0	5.25	Đạt
29	20410008	B029	Đỗ Thị Lệ	Chi	03/09/2002	Nữ	6.5	9.0	6.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
30	23402009	B030	Vũ Mai Quỳnh	Chi	26/03/2005	Nữ	7.0	8.5	6.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
31	18307037	B031	Ngô Hữu	Chí	25/10/1996	Nam	6.0	8.5	5.0	4.0	23.5	5.88	Đạt
32	23410119	B032	Phạm Đình Bảo	Chiêu	10/04/2005	Nữ	7.0	8.5	6.0	6.5	28.0	7	Đạt
33	20307051	B033	Mai Thị Tuyết	Chinh	24/02/2002	Nữ	6.0	9.0	3.0	4.5	22.5	5.63	Đạt
34	21305307	B034	Nguyễn Văn	Chung	12/08/2003	Nam	6.0	7.0	4.5	7.0	24.5	6.13	Đạt
35	20303040	B035	Nguyễn Đức	Chương	26/01/2002	Nam	4.0	7.0	5.0	6.0	22.0	5.5	Đạt
36	17403011	B036	R' Ô H'	Chuyên	02/11/1999	Nữ	6.0	7.5	5.5	7.0	26.0	6.5	Đạt
37	22402012	B037	Huỳnh Tấn	Công	23/06/2004	Nam	5.0	8.5	8.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
38	24605002	B038	Phạm Thành	Công	12/07/2006	Nam	5.0	8.5	8.0	3.5	25.0	6.25	Đạt
39	21406152	B039	Trần Đình	Công	19/10/2003	Nam	3.0	7.5	9.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
40	20303035	B040	Hoàng Quốc	Cường	18/09/2002	Nam	3.0	8.5	9.0	2.5	23.0	5.75	Đạt
41	22413005	B041	Nguyễn Linh	Đan	10/01/2004	Nữ	5.0	8.5	8.0	6.5	28.0	7	Đạt
42	24605005	B042	Sâm Thủy	Đàn	19/12/2006	Nữ	5.0	7.0	3.5	6.0	21.5	5.38	Đạt
43	21605011	B043	Đinh Phan Tấn	Đạt	07/02/2003	Nam							Vắng
44	20103156	B044	Lê Tấn	Đạt	15/06/2002	Nam	7.0	9.0	3.0	2.0	21.0	5.25	Đạt
45	21605012	B045	Nguyễn Hưng	Đạt	24/11/2003	Nam	5.0	7.0	9.0	1.5	22.5	5.63	Đạt
46	19403030	B046	Vũ Ngọc	Đô	13/04/2001	Nam	3.0	7.5	9.0	5.0	24.5	6.13	Đạt
47	24605004	B047	Y' Khang -	Du	01/10/2006	Nam	5.0	7.0	7.0	4.0	23.0	5.75	Đạt
48	23410029	B048	Nguyễn Hữu Việt	Đức	25/08/2005	Nam	7.0	7.0	6.0	5.5	25.5	6.38	Đạt
49	22306001	B049	Phạm Hữu	Đức	28/05/2004	Nam	4.0	7.5	7.5	5.0	24.0	6	Đạt
50	22103018	B050	Phạm Ngọc	Đức	12/03/2004	Nam	4.0	7.0	7.0	5.5	23.5	5.88	Đạt
51	21101014	B051	Ngô Thị Cẩm	Dung	20/02/2003	Nữ	7.0	7.0	4.0	6.5	24.5	6.13	Đạt
52	18307049	B052	Nguyễn Thị Thùy	Dung	13/12/2000	Nữ							Vắng

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
53	23410015	B053	Nguyễn Thị Thùy	Dung	12/06/2005	Nữ	6.0	7.0	5.0	7.5	25.5	6.38	Đạt
54	23402015	B054	Phạm Thùy	Dung	12/06/2005	Nữ							Hoãn thi
55	22902008	B055	H Tép Si	Đũng	30/04/2003	Nữ							Vắng
56	23302003	B056	Nguyễn Văn	Dương	19/11/2005	Nam	5.0	7.0	7.0	5.0	24.0	6	Đạt
57	23403021	B057	Trần Nguyễn Ánh	Dương	21/11/2005	Nữ	6.0	7.5	1.5	6.0	21.0	5.25	Đạt
58	22402019	B058	H' Rĩnh	Êban	20/08/2004	Nữ	8.0	7.0	6.0	7.0	28.0	7	Đạt
59	24402039	B059	Hồ Linh	Giang	26/12/2006	Nữ	8.0	7.0	5.5	8.5	29.0	7.25	Đạt
60	23403507	B060	Lê Thị Hoài	Giang	18/03/1999	Nữ	5.0	7.0	7.0	4.5	23.5	5.88	Đạt
61	22403027	B061	Ka	Glêm	16/06/2004	Nữ	5.0	7.0	7.0	4.0	23.0	5.75	Đạt
62	23402023	B062	Ngô Việt	Hà	25/08/2005	Nam	7.0	7.0	6.5	6.0	26.5	6.63	Đạt
63	23412011	B063	Nguyễn Việt	Hà	29/07/2005	Nữ	8.0	8.0	9.0	7.5	32.5	8.13	Đạt
64	23401007	B064	Phạm Văn	Hải	26/09/2005	Nam	7.0	7.5	5.0	6.0	25.5	6.38	Đạt
65	23601005	B065	Bùi Ngọc	Hân	25/06/2005	Nữ	8.0	8.0	4.0	5.0	25.0	6.25	Đạt
66	22104004	B066	Trần Thị Ngọc	Hân	01/06/2003	Nữ	6.0	7.0	3.0	5.0	21.0	5.25	Đạt
67	22903089	B067	Thị	Hạnh	27/10/2002	Nữ							Vắng
68	22306004	B068	A	Hào	27/11/2004	Nam	0.0	5.0	2.5	3.5	11.0	2.75	Không đạt
69	20307009	B069	Hà Thị Xuân	Hào	19/01/1999	Nữ	7.0	4.5	5.0	7.5	24.0	6	Đạt
70	22608005	B070	Nguyễn Ngọc Gia	Hào	26/07/2004	Nữ	5.0	4.5	2.5	6.5	18.5	4.63	Không đạt
71	24309506	B071	Đinh Thị Ngọc	Hậu	06/01/1997	Nữ	3.0	4.5	1.5	3.5	12.5	3.13	Không đạt
72	20404032	B072	Nguyễn Đức	Hậu	13/08/2001	Nam	2.0	4.5	3.0	3.5	13.0	3.25	Không đạt
73	22413007	B073	Nguyễn Xuân	Hiến	25/03/2004	Nam	4.5	4.5	5.0	5.0	19.0	4.75	Không đạt
74	24403049	B074	Đào Mai Thanh	Hiền	23/07/2006	Nữ							Vắng
75	22413026	B075	Nguyễn Thị Dịu	Hiền	03/04/2004	Nữ	3.0	4.5	2.5	2.5	12.5	3.13	Không đạt
76	22103021	B076	Lý Minh	Hiếu	20/12/2003	Nam	7.5	4.5	3.5	4.0	19.5	4.88	Không đạt
77	22902012	B077	H' Sa La Mi -	Hmök	29/10/2004	Nữ							Vắng
78	23412016	B078	Nguyễn Thái	Hòa	06/01/2005	Nữ	7.0	5.0	3.0	4.5	19.5	4.88	Không đạt
79	20101060	B079	Trương Thu	Hoài	10/04/2002	Nữ	8.0	5.5	3.0	4.0	20.5	5.13	Đạt
80	21403041	B080	Nguyễn Minh	Hoàng	08/02/2003	Nam	6.5	3.5	2.0	4.0	16.0	4	Không đạt

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
81	22413029	B081	Nguyễn Thị Thu	Hồng	26/09/1994	Nữ	8.0	4.5	5.0	8.0	25.5	6.38	Đạt
82	23402038	B082	H Ngọc Linh	Hra	01/07/2004	Nữ	3.5	3.5	1.5	2.5	11.0	2.75	Không đạt
83	23402039	B083	H' Quít	Hra	23/05/2004	Nữ	8.0	6.5	2.0	3.5	20.0	5	Đạt
84	22402140	B084	Lê Nguyễn Anh	Hùng	28/03/2004	Nam							Vắng
85	21402237	B085	Vũ Quốc	Hùng	24/02/2003	Nam	9.0	4.5	3.0	4.5	21.0	5.25	Đạt
86	22402041	B086	Phạm Duy	Hưng	07/07/2004	Nam	5.5	8.0	5.5	6.0	25.0	6.25	Đạt
87	22402042	B087	Phạm Thanh	Hưng	26/10/2004	Nam	8.0	9.0	3.0	6.5	26.5	6.63	Đạt
88	23607069	B088	Liêng Jrang K	Hương	24/04/2005	Nữ	2.5	7.0	2.5	5.0	17.0	4.25	Không đạt
89	22413030	B089	Hoàng Quốc	Huy	01/02/2002	Nam	4.5	4.5	5.0	3.5	17.5	4.38	Không đạt
90	20307253	B090	Tạ Quang	Huy	10/05/2000	Nam							Vắng
91	20403187	B091	Đinh Nguyễn Thanh	Huyền	24/04/2002	Nữ	5.5	4.0	2.5	2.5	14.5	3.63	Không đạt
92	24101007	B092	Hoàng Thị Khánh	Huyền	03/06/2006	Nữ	9.0	5.0	3.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
93	22402037	B093	Trần Thị Thanh	Huyền	12/11/2004	Nữ							Vắng
94	20902038	B094	Y Xuân Niê	Kdăm	25/03/2002	Nam	6.5	9.0	2.5	4.5	22.5	5.63	Đạt
95	23412019	B095	Nguyễn Quốc	Khánh	28/07/2005	Nam	5.0	9.0	2.0	4.0	20.0	5	Đạt
96	19302010	B096	Phạm Ngọc	Khánh	26/03/2001	Nam							Vắng
97	21302012	B097	Phạm Văn Đăng	Khoa	13/12/2003	Nam	8.0	4.0	3.0	6.5	21.5	5.38	Đạt
98	15404097	B098	Ksor	Khuin	26/03/1996	Nam	7.0	5.0	4.0	4.0	20.0	5	Đạt
99	22903032	B099	Ksor H'	Khuyên	21/03/2004	Nữ	4.5	6.0	1.0	6.0	17.5	4.38	Không đạt
100	23901023	B100	Kơ Să K'	Kiêu	19/10/2005	Nữ	5.0	9.0	3.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
101	22305038	B101	Huỳnh Đắc Hồng	Kim	29/03/2003	Nữ	8.0	8.0	5.0	7.0	28.0	7	Đạt
102	21607069	B102	H' Rin	Ktla	14/09/2003	Nữ	7.5	9.0	7.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
103	18307442	B103	H Yoi	Ktla	03/09/1999	Nữ							Vắng
104	21103049	B104	Nguyễn Thành	Lâm	04/07/2002	Nam	6.5	9.5	3.5	4.0	23.5	5.88	Đạt
105	22903091	B105	Y Sy	Lin	22/10/2004	Nữ	7.0	4.5	8.5	7.5	27.5	6.88	Đạt
106	23412022	B106	Lê Thị Anh	Linh	12/06/2005	Nữ	7.5	9.5	3.5	6.5	27.0	6.75	Đạt
107	22402056	B107	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/07/2004	Nữ	4.0	10.0	7.5	1.5	23.0	5.75	Đạt
108	24403070	B108	Phạm Bùi Diệu	Linh	04/09/2006	Nữ							Vắng

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
109	21305073	B109	Phạm Thị Hồng	Linh	10/03/1999	Nữ	8.5	10.0	3.5	6.5	28.5	7.13	Đạt
110	23608025	B110	Trần Đức	Linh	18/07/2005	Nam	6.5	8.5	8.0	5.0	28.0	7	Đạt
111	22903034	B111	Võ Thị Nhật	Linh	20/10/2004	Nữ	4.0	10.0	3.5	8.0	25.5	6.38	Đạt
112	23903540	B112	Nguyễn Thị	Loan	07/02/1970	Nữ	6.5	9.5	8.5	2.0	26.5	6.63	Đạt
113	21305317	B113	Hoàng Đình	Long	02/03/2003	Nam	3.0	10.0	3.5	2.5	19.0	4.75	Không đạt
114	24605014	B114	Lê Nguyễn Thành	Luân	21/06/2006	Nam	7.0	8.5	8.5	8.0	32.0	8	Đạt
115	22410039	B115	Trần Công	Lượng	17/03/2004	Nam	9.0	6.5	5.0	7.5	28.0	7	Đạt
116	24309510	B116	Hoàng Trúc Khánh	Ly	19/02/2003	Nữ	4.0	6.5	3.0	6.5	20.0	5	Đạt
117	20604016	B117	Mlô H' Hân	Ly	02/06/2002	Nữ							Vắng
118	23412025	B118	Huỳnh Quang	Mạnh	14/07/2005	Nam	8.0	9.0	3.0	8.5	28.5	7.13	Đạt
119	23410129	B119	Lê Hữu	Mạnh	01/11/2005	Nam	8.0	9.5	3.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
120	23403059	B120	Nguyễn Thị	Minh	23/05/2005	Nữ	6.0	9.5	8.5	7.5	31.5	7.88	Đạt
121	21903056	B121	H' Bô Lin	Mlô	14/05/2003	Nữ	7.0	9.5	3.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
122	23903048	B122	H' Hợp	Mlô	25/06/2005	Nữ							Vắng
123	23402065	B123	H Khuê	Mlô	14/06/2005	Nữ	4.0	10.0	8.5	5.0	27.5	6.88	Đạt
124	23901033	B124	H' Khuyên	Mlô	17/04/2005	Nữ	3.0	9.5	3.0	5.5	21.0	5.25	Đạt
125	20101032	B125	H Nghâm	Mlô	24/09/2002	Nữ	6.0	10.0	8.5	7.0	31.5	7.88	Đạt
126	19606047	B126	H' Thủy	Mlô	02/02/2001	Nữ	5.0	9.5	3.0	7.0	24.5	6.13	Đạt
127	22903040	B127	Siu H'	Mrung	07/03/2004	Nữ	5.5	10.0	8.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
128	21406167	B128	Bùi Nguyễn Hà	My	17/09/2003	Nữ	5.0	6.5	4.5	5.5	21.5	5.38	Đạt
129	21303012	B129	Nguyễn Thị Hà	My	17/07/2003	Nữ	6.5	7.0	8.0	6.5	28.0	7	Đạt
130	23309020	B130	Phan Trà	My	20/10/2005	Nữ	8.0	8.0	10.0	7.0	33.0	8.25	Đạt
131	23901037	B131	R' Ô H' Li	Na	04/08/2005	Nữ	7.0	7.5	7.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
132	21103066	B132	Phạm Ngọc Hoàng	Nam	23/06/2002	Nam	8.0	5.0	5.5	4.5	23.0	5.75	Đạt
133	22403067	B133	Triệu Thị	Nga	09/11/2004	Nữ	7.0	6.0	4.0	5.5	22.5	5.63	Đạt
134	22607021	B134	Hoàng Thanh	Ngân	22/12/2003	Nữ	3.0	7.5	4.5	4.5	19.5	4.88	Không đạt
135	19307161	B135	Ngô Thị Thùy	Ngân	16/06/2001	Nữ	8.0	7.0	6.5	7.5	29.0	7.25	Đạt
136	23607075	B136	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/11/2003	Nữ	4.0	7.5	4.0	2.5	18.0	4.5	Không đạt

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
137	23607031	B137	Đoàn Hoàng Tịnh	Nghi	26/02/2005	Nữ	8.5	7.0	7.0	7.5	30.0	7.5	Đạt
138	20307021	B138	Hoàng Lại Kim	Ngọc	04/10/2002	Nữ							Vắng
139	24903106	B139	Kpă H'	Ngọc	15/10/2006	Nữ	3.0	7.0	6.0	8.0	24.0	6	Đạt
140	23607076	B140	Lê Thị Bảo	Ngọc	23/11/2005	Nữ	8.0	7.0	5.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
141	22413054	B141	Lê Thị Bích	Ngọc	26/10/2004	Nữ	4.5	7.0	7.0	5.0	23.5	5.88	Đạt
142	24309514	B142	Lê Thị Hồng	Ngọc	14/10/1999	Nữ	0.0	3.5	4.0	2.0	9.5	2.38	Không đạt
143	23402070	B143	Nguyễn Đường Bích	Ngọc	05/10/2005	Nữ	7.5	7.5	6.5	6.0	27.5	6.88	Đạt
144	22402076	B144	Trần Thị Yến	Ngọc	21/06/2004	Nữ	3.0	6.5	3.5	5.5	18.5	4.63	Không đạt
145	23412036	B145	Dương Thị Hồng	Nguyên	03/01/2005	Nữ	2.5	7.5	7.0	4.0	21.0	5.25	Đạt
146	23402072	B146	Lê Thảo	Nguyên	05/04/2005	Nữ	6.0	7.0	4.5	6.5	24.0	6	Đạt
147	22410048	B147	Nguyễn Trường	Nguyên	24/07/2004	Nam	3.0	7.0	7.0	7.0	24.0	6	Đạt
148	23403071	B148	Vũ Huy Lê	Nguyên	12/07/2005	Nam	8.5	8.0	7.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
149	23403074	B149	Hà Thanh	Nhân	06/02/2005	Nữ							Vắng
150	20410134	B150	K Văn	Nhân	21/10/2002	Nam	6.0	3.0	3.0	5.5	17.5	4.38	Không đạt
151	24101012	B151	Nguyễn Văn	Nhân	19/03/2006	Nam							Vắng
152	23607078	B152	Lâm Hồ Ngọc	Nhi	09/09/2005	Nữ	5.0	5.0	7.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
153	22104009	B153	Huỳnh Tiền	Nhơn	20/09/2004	Nữ	5.0	7.5	4.5	9.0	26.0	6.5	Đạt
154	20305078	B154	Mai Lâm Tâm	Như	08/10/2002	Nữ	7.5	4.0	6.0	5.0	22.5	5.63	Đạt
155	24903111	B155	H'	Nhung	29/10/2006	Nữ							Vắng
156	21601130	B156	Ksor H'	Nhung	28/06/2003	Nữ	2.5	3.0	5.0	3.0	13.5	3.38	Không đạt
157	23403080	B157	Lê Hồng	Nhung	13/09/2005	Nữ	5.0	5.0	5.0	4.0	19.0	4.75	Không đạt
158	21402266	B158	Nguyễn Ngọc	Nhung	02/01/2003	Nữ	9.0	3.0	5.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
159	21406086	B159	Dương Bảo	Ni	01/09/2003	Nữ	6.5	5.5	5.0	8.0	25.0	6.25	Đạt
160	22413043	B160	H' Yêu	Niê	15/08/2003	Nữ	6.0	5.0	4.5	8.0	23.5	5.88	Đạt
161	23401029	B161	Y Ngôn	Niê	11/09/2005	Nam	5.5	5.0	4.5	5.0	20.0	5	Đạt
162	23604012	B162	H Trà	Ntor	07/11/2005	Nữ	6.0	1.5	3.0	7.5	18.0	4.5	Không đạt
163	24309515	B163	Nguyễn Kim	Oanh	15/03/1985	Nữ	1.0	9.0	3.5	6.0	19.5	4.88	Không đạt
164	21305116	B164	Nguyễn Tấn	Phát	30/01/2003	Nam	6.0	9.0	9.0	6.0	30.0	7.5	Đạt

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
165	21411048	B165	Trần Hoài Bảo	Phúc	02/08/2002	Nam	7.5	9.0	8.5	8.5	33.5	8.38	Đạt
166	23901048	B166	Liêng Jrang K'	Phùng	24/05/2005	Nữ	2.0	8.0	3.0	1.5	14.5	3.63	Không đạt
167	22403086	B167	Cao Mỹ	Phuong	07/02/2004	Nữ	4.5	8.5	8.0	5.5	26.5	6.63	Đạt
168	21605066	B168	Đinh Dương	Phuong	26/11/2003	Nam	4.0	9.0	3.5	3.5	20.0	5	Đạt
169	21311085	B169	Lê Ngô Mỹ	Phuong	23/09/2003	Nữ	5.0	7.0	4.0	4.5	20.5	5.13	Đạt
170	23305157	B170	Hà Thị Mỹ	Phượng	21/06/2005	Nữ	3.0	8.5	8.0	1.0	20.5	5.13	Đạt
171	22410061	B171	Nguyễn Viết	Quân	17/06/2004	Nam	5.0	9.0	4.0	6.5	24.5	6.13	Đạt
172	24605018	B172	Vũ Thành	Quân	15/02/2006	Nam							Vắng
173	23410078	B173	Nguyễn Nhật	Quang	10/07/2005	Nam	6.0	6.0	5.5	7.0	24.5	6.13	Đạt
174	20307177	B174	Đinh Thị	Quỳnh	01/07/2002	Nữ	6.0	9.0	5.0	2.5	22.5	5.63	Đạt
175	21305130	B175	Đỗ Ngọc Xuân	Quỳnh	28/03/2003	Nữ	5.5	9.0	3.0	4.0	21.5	5.38	Đạt
176	23403088	B176	Lê Thị Như	Quỳnh	28/03/2005	Nữ	6.5	9.0	4.5	5.5	25.5	6.38	Đạt
177	24101020	B177	Nguyễn Hồ Duy	Quỳnh	04/10/2006	Nữ	8.0	5.5	5.0	4.5	23.0	5.75	Đạt
178	22402099	B178	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/10/2004	Nữ	2.0	9.0	7.0	8.0	26.0	6.5	Đạt
179	13305076	B179	Cao Thị Mai	Sang	04/08/1994	Nữ	5.0	9.0	3.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
180	22402103	B180	Lê Huy	Son	29/09/2004	Nam	5.0	8.0	4.0	4.5	21.5	5.38	Đạt
181	23402100	B181	Vũ Công	Tài	04/08/2005	Nam	6.5	5.0	4.0	7.5	23.0	5.75	Đạt
182	23101026	B182	Ngô Minh	Tâm	02/01/2005	Nam	7.5	8.5	7.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
183	22402142	B183	Nguyễn Thị	Tâm	02/10/2004	Nữ	3.5	7.5	3.0	1.0	15.0	3.75	Không đạt
184	23403094	B184	Nguyễn Đình	Thái	15/06/2005	Nam	9.0	7.0	6.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
185	22605035	B185	Rcom	Thái	07/08/2004	Nam	2.5	7.0	5.0	2.5	17.0	4.25	Không đạt
186	22103060	B186	Nguyễn Hoàng	Thanh	17/05/2004	Nam	5.0	8.0	4.5	5.0	22.5	5.63	Đạt
187	23403095	B187	Hồ Thu	Thảo	23/10/2005	Nữ	3.5	6.0	3.5	3.0	16.0	4	Không đạt
188	23410087	B188	Nguyễn Thu	Thảo	19/04/2005	Nữ	5.0	7.5	5.0	6.5	24.0	6	Đạt
189	23403099	B189	Nguyễn Thị Thanh	Thiên	21/10/2005	Nữ	4.5	6.5	5.0	7.0	23.0	5.75	Đạt
190	22413014	B190	Lê Quốc	Thiện	03/08/2003	Nam	4.0	7.0	5.0	4.0	20.0	5	Đạt
191	24101025	B191	Nguyễn Ngọc	Thiện	10/08/2006	Nam							Vắng
192	23403102	B192	Tạ Duy Hoàng	Thiện	09/10/2005	Nam	9.0	7.0	5.5	6.5	28.0	7	Đạt

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
193	24101027	B193	Bùi Thị Anh	Thơ	03/06/2006	Nữ	8.5	7.0	6.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
194	23901056	B194	H'	Thơ	13/03/2005	Nữ	9.5	7.5	5.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
195	24402127	B195	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	07/05/2006	Nữ	5.0	4.0	2.0	2.5	13.5	3.38	Không đạt
196	20307299	B196	Sử Thị Ngọc Như	Thừa	18/08/2000	Nữ	5.0	5.0	3.0	5.0	18.0	4.5	Không đạt
197	23401017	B197	Mai Văn	Thuận	25/07/2005	Nam	6.0	7.0	3.0	5.5	21.5	5.38	Đạt
198	23604016	B198	Nay H'	Thuưng	23/11/2003	Nữ	2.0	7.5	9.0	2.0	20.5	5.13	Đạt
199	22601037	B199	Hà Thị	Thúy	01/03/2004	Nữ							Vắng
200	23903082	B200	Đinh Thị	Thủy	29/09/2005	Nữ	4.5	7.0	7.0	5.0	23.5	5.88	Đạt
201	23410093	B201	Trương Thế Hoài	Thủy	28/05/2005	Nữ	6.5	7.5	8.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
202	22605019	B202	Bùi Thanh	Tiến	16/10/2003	Nam	3.0	7.5	8.0	8.0	26.5	6.63	Đạt
203	22104013	B203	Nguyễn Việt	Tiến	25/07/2003	Nam	5.0	6.0	7.0	6.0	24.0	6	Đạt
204	22306005	B204	Vàng Văn	Tiến	12/08/2002	Nam	5.0	6.5	9.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
205	23403111	B205	Vũ Văn	Tiền	04/11/2005	Nam	7.0	6.5	6.0	6.0	25.5	6.38	Đạt
206	22412069	B206	Nguyễn Trọng	Tín	14/04/2004	Nam	7.0	6.5	2.5	6.0	22.0	5.5	Đạt
207	23607051	B207	Nguyễn Minh	Toàn	11/11/2004	Nam							Vắng
208	20304019	B208	Nguyễn Quốc	Toàn	08/03/2001	Nam	6.0	7.5	7.5	4.0	25.0	6.25	Đạt
209	23101034	B209	Huỳnh Hương	Trà	01/07/2005	Nữ	8.5	4.5	5.0	8.5	26.5	6.63	Đạt
210	23901064	B210	Lục Hoàng Thu	Trà	08/10/2005	Nữ	4.0	3.5	3.0	4.0	14.5	3.63	Không đạt
211	22305107	B211	Đặng Nguyễn Bảo	Trâm	07/03/2004	Nữ	6.0	8.0	7.0	4.5	25.5	6.38	Đạt
212	22410079	B212	Dur Vũ Ngọc	Trâm	12/05/2004	Nữ	4.0	4.5	6.0	2.0	16.5	4.13	Không đạt
213	21411032	B213	Nguyễn Thị Bích	Trâm	10/07/2003	Nữ	0.0	5.0	3.0	1.5	9.5	2.38	Không đạt
214	24406070	B214	Trần Ngọc Bảo	Trâm	16/06/2006	Nữ							Vắng
215	23410101	B215	Trần Ngọc Bích	Trâm	20/08/2005	Nữ	6.0	5.0	6.0	8.0	25.0	6.25	Đạt
216	21101073	B216	Nguyễn Ngọc	Trâm	27/07/2003	Nữ	6.0	7.5	4.5	6.5	24.5	6.13	Đạt
217	22402120	B217	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	28/10/2004	Nữ	4.5	9.0	7.5	5.5	26.5	6.63	Đạt
218	23410098	B218	Dương Ngọc Phương	Trang	07/01/2005	Nữ	8.0	7.0	7.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
219	24406065	B219	Hoàng Thị Thanh	Trang	30/06/2006	Nữ	7.5	5.0	6.0	9.0	27.5	6.88	Đạt
220	23402116	B220	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13/10/2005	Nữ	7.0	7.5	8.5	5.0	28.0	7	Đạt

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
221	22410078	B221	Phạm Thùy	Trang	10/09/2004	Nữ	5.0	5.0	7.5	5.0	22.5	5.63	Đạt
222	23412058	B222	Trần Thị Thu	Trang	16/02/2005	Nữ	7.0	6.0	3.0	5.0	21.0	5.25	Đạt
223	24401043	B223	Nguyễn Hoàng	Triệu	18/02/2006	Nam	8.5	7.0	7.5	8.0	31.0	7.75	Đạt
224	22410081	B224	Hoàng Thị Thục	Trinh	29/07/2004	Nữ	4.0	7.0	3.0	4.0	18.0	4.5	Không đạt
225	19403212	B225	Nguyễn Thị Như	Trinh	18/06/2000	Nữ							Vắng
226	23410103	B226	Nguyễn Thị Thục	Trinh	30/10/2005	Nữ	3.0	7.0	8.0	2.0	20.0	5	Đạt
227	20903115	B227	Trịnh Thị Mai	Trinh	29/06/2002	Nữ	2.0	8.0	6.5	6.0	22.5	5.63	Đạt
228	20307303	B228	Nguyễn Phạm Bảo	Trọng	10/08/2000	Nam							Vắng
229	22309041	B229	A Lê H'	Trúc	21/03/2004	Nữ	4.5	3.0	3.0	4.5	15.0	3.75	Không đạt
230	20307304	B230	Ka Thủy	Trúc	31/10/2001	Nữ	4.5	4.5	3.0	4.5	16.5	4.13	Không đạt
231	24101030	B231	Lưu Thanh	Trúc	19/09/2006	Nữ	8.0	9.5	8.0	8.5	34.0	8.5	Đạt
232	22402125	B232	Nguyễn Thị Phương	Trúc	20/04/2004	Nữ	1.0	9.5	1.0	2.0	13.5	3.38	Không đạt
233	23410107	B233	Trần Thanh	Trúc	04/10/2005	Nữ	6.5	9.5	5.0	6.5	27.5	6.88	Đạt
234	21605056	B234	Nguyễn Quốc	Trung	14/01/2001	Nam							Vắng
235	22103081	B235	Đàm Minh	Tú	17/02/2004	Nam	5.5	5.0	5.0	6.0	21.5	5.38	Đạt
236	22402129	B236	Nguyễn Phan Cẩm	Tú	17/02/2002	Nữ	3.0	2.5	3.0	6.5	15.0	3.75	Không đạt
237	23403122	B237	Trần Phương	Tú	13/11/2005	Nam	3.5	5.0	4.5	3.0	16.0	4	Không đạt
238	19307267	B238	Huỳnh Phạm Minh	Tuấn	26/08/1996	Nam	8.5	5.0	7.0	5.5	26.0	6.5	Đạt
239	23403120	B239	Nguyễn Anh	Tuấn	09/07/2005	Nam	4.0	9.0	5.5	3.5	22.0	5.5	Đạt
240	23402124	B240	Nguyễn Kim Gia	Tuệ	27/09/2005	Nữ	7.0	9.0	3.0	4.5	23.5	5.88	Đạt
241	21301027	B241	Nguyễn Thanh	Tùng	03/08/2003	Nam	5.5	9.0	3.0	6.0	23.5	5.88	Đạt
242	24309522	B242	Trịnh Xuân	Tuyên	20/07/1984	Nam	6.0	5.0	4.0	4.0	19.0	4.75	Không đạt
243	22903081	B243	Nay H'	U	20/02/2004	Nữ	5.0	5.5	6.5	7.0	24.0	6	Đạt
244	15403174	B244	Đặng Thảo	Uyên	08/05/1997	Nữ							Vắng
245	23410109	B245	Nguyễn Nhật Thiên	Uyên	17/11/2005	Nữ	5.5	6.0	3.0	5.5	20.0	5	Đạt
246	23403127	B246	Nguyễn Trần Thảo	Uyên	20/02/2005	Nữ	6.0	3.0	2.5	5.5	17.0	4.25	Không đạt
247	23403129	B247	Hồ Ngọc Mỹ	Vân	17/05/2005	Nữ	6.5	7.5	3.5	7.0	24.5	6.13	Đạt
248	22306010	B248	Sùng A	Vàng	02/01/2004	Nam	4.5	3.5	2.5	4.5	15.0	3.75	Không đạt

TT	CMND/ Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
249	20307235	B249	Nguyễn Thị Hà	Vi	26/08/2002	Nữ	6.5	3.0	3.0	7.0	19.5	4.88	Không đạt
250	22410143	B250	Vũ Quốc	Việt	29/10/2004	Nam	2.0	6.0	4.5	5.0	17.5	4.38	Không đạt
251	21103112	B251	Nguyễn Lê	Vũ	30/11/2003	Nam	2.5	4.5	3.0	4.5	14.5	3.63	Không đạt
252	23412065	B252	Trần Xuân	Vụ	14/06/2005	Nam	1.5	5.0	3.5	2.0	12.0	3	Không đạt
253	22402134	B253	Triệu Nguyễn Thiên	Vượng	18/09/2004	Nam							Vắng
254	23412066	B254	Hà Thúy	Vy	24/07/2005	Nữ	6.5	4.0	4.5	7.5	22.5	5.63	Đạt
255	23402135	B255	Nguyễn Thị Thảo	Vy	02/08/2005	Nữ	7.0	3.0	3.0	7.0	20.0	5	Đạt
256	24309525	B256	Phạm Thị Hồng	Xoan	02/09/1997	Nữ	1.5	4.5	3.0	0.0	9.0	2.25	Không đạt
257	20403292	B257	Huỳnh Thị Hồng	Xuân	24/11/2002	Nữ	4.0	4.5	5.0	4.0	17.5	4.38	Không đạt
258	23410115	B258	Trương Đình Quốc	Ý	24/01/2005	Nam	6.0	5.0	4.0	1.5	16.5	4.13	Không đạt
259	23403138	B259	Hán Tiểu	Yến	24/03/2004	Nữ	2.5	4.0	3.0	3.5	13.0	3.25	Không đạt
260	21607109	B260	H Ly Sa A	Yүн	21/01/2003	Nữ							Vắng
261	22402007	B261	Lương Quốc	Bảo	19/08/2004	Nam	8.5	5.0	5.0	8.0	26.5	6.63	Đạt
262	22402068	B262	Nguyễn Thị Trà	My	04/11/2004	Nữ	1.0	5.0	4.5	4.0	14.5	3.63	Không đạt

Tổng số thí sinh theo danh sách:

262

Số thí sinh bị đình chỉ thi:

0

Số thí sinh tham gia:

226

Số thí sinh đạt:

171

Số thí sinh vắng:

35

Số thí sinh không đạt:

55

Số thí sinh hoãn thi:

1